

- A. Virus: 48 giờ
C. Ký sinh trùng: 24 giờ
- Câu 18 :** P là ký hiệu của:
A. Tỷ lệ tấn công
C. Tỷ lệ mới mắc
- Câu 19 :** $P(A) = A_k/\Omega_n$. Đây là công thức tính:
A. Xác suất
C. Xác suất đầy đủ
- Câu 20 :** Tung một đồng xu, khả năng xuất hiện mặt số hoặc mặt hình là biến cố:
A. Chắc chắn
C. Ngẫu nhiên
- Câu 21 :** Đối tượng tham gia điều tra dịch:
A. Cơ sở điều trị
C. Cơ sở dự phòng
- Câu 22 :** Nguyên tắc đóng gói mẫu bệnh phẩm:
A. Đóng gói 3 lớp
C. Sử dụng chất liệu không thấm nước bọc ngoài
- Câu 23 :** Nghiên cứu tác động của ô nhiễm môi trường đối với bệnh ung thư:
A. Bệnh chứng
C. Đoàn hệ
- Câu 24 :** Trường hợp nào xảy ra dịch:
A. Số bệnh nặng tăng cao
C. Số mắc tăng cao
- Câu 25 :** Người trình bày báo cáo vụ dịch:
A. Phụ trách đội điều tra dịch
C. Cán bộ chuyên trách về dịch tễ
- Câu 26 :** Đây là những đặc tính về chất lượng của hệ thống giám sát, NGOẠI TRỪ:
A. Đơn giản
C. Nhạy
- Câu 27 :** Khả năng rút được bi màu đỏ phụ thuộc vào số bi màu đỏ có trong hộp. Đây là biến cố:
A. Kéo theo
C. Không chắc chắn
- Câu 28 :** Thống kê mô tả khuynh hướng phân tán:
A. Yếu vị
C. Trung vị
- Câu 29 :** Lấy mẫu cụm:
A. Chi phí cao
C. Mẫu có một bậc
- Câu 30 :** Trong phần đề xuất giải pháp, báo cáo cần tập trung những điểm sau, NGOẠI TRỪ:
A. Phương thức cách ly
C. Tiên lượng phát triển dịch
- Câu 31 :** Mục đích của điều tra dịch:
A. Xử lý nguyên nhân dịch
C. Phát hiện nguồn nhiễm
- Câu 32 :** Thống kê mô tả khoảng cách trung bình của số liệu so với giá trị tiêu biểu:
A. Trung bình
C. Sai số chuẩn
- Câu 33 :** Đây là những thành phần chính của dịch tễ học, NGOẠI TRỪ:
A. Sự phân bố bệnh tật
C. Các yếu tố ảnh hưởng bệnh tật
- Câu 34 :** Cách ly nguồn lây thuộc nhóm biện pháp:
A. Bảo vệ người bệnh
- B. Vi khuẩn: 72 giờ
D. Một câu trả lời khác
- B. Tỷ lệ hiện mắc
D. Tỷ lệ mới mắc dồn
- B. Xác suất có điều kiện
D. Xác suất Bayes
- B. Sơ cấp
D. Tất cả đúng
- B. Nhân viên Y tế
D. Tất cả đúng
- B. Lớp ngoài cùng không thấm nước
D. Tất cả đúng
- B. Cắt ngang
D. Tất cả đúng
- B. Số chết tăng cao
D. Tất cả đúng
- B. Lãnh đạo địa phương
D. Lãnh đạo cơ sở y tế
- B. Linh hoạt
D. Điển hình
- B. Đối lập
D. Xung khắc
- B. Khoảng tứ phân vị
D. Trung bình
- B. Phân phối lợi ích
D. Lấy đại diện trong cụm
- B. Biện pháp bảo vệ khẩn cấp
D. Kinh phí kiểm soát, can thiệp nhanh
- B. Dập tắt dịch
D. Xác định chẩn đoán
- B. Độ lệch chuẩn
D. Tứ phân vị
- B. Các yếu tố bệnh tật
D. A và C đúng
- B. Bảo vệ người cảm nhiễm

- C. Ngăn chặn
Câu 35 : Ca bệnh nghi ngờ:
 A. Có triệu chứng lâm sàng
 C. Xét nghiệm (+)
Câu 36 : Đối tượng tham gia điều tra dịch:
 A. Cơ sở điều trị
 C. Cơ sở dự phòng
Câu 37 : Dạng trình bày bằng cách nối các giá trị theo chiều hướng biến động:
 A. Đa giác tần suất
 C. Biểu đồ đường biểu diễn
Câu 38 : Dạng trình bày mô tả cách tổ chức, mối quan hệ, chuỗi liên tiếp ...:
 A. Sơ đồ chuỗi
 C. A và B đúng
Câu 39 : Phương pháp nghiên cứu dịch tễ xác định được tỷ lệ mới mắc:
 A. Nghiên cứu đoàn hệ
 C. Nghiên cứu cắt ngang
Câu 40 : Điều nào đúng với nghiên cứu đoàn hệ:
 A. Thời gian theo dõi dài
 C. Bắt đầu từ người bệnh
Câu 41 : Đặc tính của bảng số liệu:
 A. Không quá 6 số liệu
 C. Phần chú thích ở cuối bảng
Câu 42 : Chỉ số OR tính được trong nghiên cứu dịch tễ nào:
 A. Bệnh chứng
 C. Đoàn hệ
Câu 43 : Ca bệnh xác định:
 A. Có triệu chứng lâm sàng
 C. Xét nghiệm (+)
Câu 44 : Yêu cầu quan trọng của điều tra dịch:
 A. Có đầy đủ y văn
 C. Đầy đủ phương tiện
Câu 45 : Điểm khác biệt cơ bản nhất giữa giám sát y tế và giám sát dịch tễ học là:
 A. Cách thức giám sát
 C. Mô hình giám sát
Câu 46 : Đối với số liệu đơn giản nên trình bày dạng:
 A. Tổ chức đồ
 C. Đồ thị
Câu 47 : Điều nào đúng với tập mẫu:
 A. Các phần tử đại diện để nghiên cứu
 C. Ký hiệu là (x_1, x_2, \dots, x_n)
Câu 48 : Ba nội dung quan trọng khi điều tra ca bệnh:
 A. Dịch tễ-Xét nghiệm-Diễn tiến
 C. Xét nghiệm-Diễn tiến-Lâm sàng
Câu 49 : Tung một con xúc xắc. Khả năng xảy ra mặt chẵn và mặt lẻ là:
 A. Bằng nhau
 C. Ngẫu nhiên
Câu 50 : Điều nào KHÔNG ĐÚNG khi lấy mẫu dịch mụn nước:
 A. Dán nhãn chai hay ống đựng lam
 C. Đặt ngay lam kính vào hộp
Câu 51 : Tỷ lệ tấn công là một dạng của:
 A. Tỷ lệ hiện mắc
 C. Tỷ lệ mới mắc dồn
Câu 52 : Điều nào đúng khi lấy mẫu máu toàn phần:
 D. Tấn công
 B. Có yếu tố dịch tễ
 D. Một câu trả lời khác
 B. Nhân viên Y tế
 D. Tất cả đúng
 B. Biểu đồ diện tích
 D. Sơ đồ tổ chức
 B. Sơ đồ tổ chức
 D. A và B sai
 B. Nghiên cứu tương quan
 D. Nghiên cứu bệnh chứng
 B. Không thể kiểm định giả thuyết
 D. Không tìm được nguy cơ quy trách
 B. Ít nhất 40 số liệu
 D. Phần chính là phần tiêu đề
 B. Tương quan
 D. Tất cả đúng
 B. Có yếu tố dịch tễ
 D. Một câu trả lời khác
 B. Có phòng thí nghiệm đỡ đầu
 D. Có đủ chức năng chuyên môn
 B. Bệnh lý giám sát
 D. Đối tượng được giám sát
 B. Văn bản
 D. Biểu đồ
 B. Được chọn theo phân phối xác suất
 D. Tất cả đúng
 B. Diễn tiến-Lâm sàng-Dịch tễ
 D. Lâm sàng-Dịch tễ-Xét nghiệm
 B. Xung khắc nhau
 D. Tất cả đúng
 B. Phết tấm bông vào lam kính
 D. Dùng kim chích nốt phỏng
 B. Tỷ lệ mới mắc
 D. Một câu trả lời khác

- A. Lấy máu động mạch
B. Lấy máu mao mạch
C. Trẻ sơ sinh lấy 0,5-2ml
D. Tất cả đúng
- Câu 53 :** Chỉ số nào có tử số là số mắc bệnh trong năm:
A. Số mắc bệnh trung bình trong tháng
B. Hệ số năm dịch
C. Số mắc bệnh trung bình năm
D. Hệ số mùa dịch
- Câu 54 :** Cách sắp xếp bệnh phẩm:
A. Lớp thứ hai là lớp thấm nước
B. Dùng parafin cho lớp ngoài cùng
C. Dùng vật liệu chắc chắn cho lớp ngoài cùng
D. Tất cả đúng
- Câu 55 :** Phương pháp cách ly tại nhà áp dụng cho đối tượng:
A. Có tiền sử phơi nhiễm
B. Người mang mầm bệnh
C. Người bệnh diễn tiến nhẹ
D. Tất cả đúng
- Câu 56 :** Theo quan điểm hiện nay, giám sát đang áp dụng là giám sát:
A. Y tế
B. Dịch tế
C. A và B đúng
D. A và B sai
- Câu 57 :** CDC là chữ viết tắt của cụm từ:
A. Trung tâm giám sát y học
B. Trung tâm giám sát cộng đồng
C. Trung tâm dữ liệu cộng đồng
D. Trung tâm kiểm soát bệnh tật
- Câu 58 :** Dạng trình bày bằng cách nối trung điểm cạnh trên hình chữ nhật của tổ chức đồ:
A. Biểu đồ diện tích
B. Biểu đồ đường biểu diễn
C. Đa giác tần suất
D. Biểu đồ phân tán
- Câu 59 :** Mẫu nghiên cứu được chọn trực tiếp từ:
A. Dân số
B. Dân số chọn mẫu
C. Dân số mục tiêu
D. Cụm dân cư
- Câu 60 :** Sai lệch chọn lựa:
A. Định nghĩa đặc tính không chính xác
B. Xác suất chọn khác nhau
C. Thông tin không chính xác
D. Biến số không chính xác
- Câu 61 :** Mẫu hệ thống có cùng:
A. Nguy cơ
B. Khoảng cách
C. Đặc tính
D. Tần suất
- Câu 62 :** Điểm khác biệt giữa giám sát và thanh tra:
A. Phát hiện những tồn tại
B. Có biện pháp xử lý
C. Thực hiện định kỳ
D. Mang tính hỗ trợ
- Câu 63 :** Đối tượng không biết mẫu nghiên cứu trong “Mù đôi”:
A. Người điều trị và người bệnh
B. Người bệnh và người nghiên cứu
C. Người điều trị và người nghiên cứu
D. Một câu trả lời khác
- Câu 64 :** Mô hình toán học mô tả sự biến đổi của biến số này theo những biến số khác gọi là:
A. Biến số phụ thuộc
B. Hồi quy
C. Quan hệ nhân quả
D. Phương trình
- Câu 65 :** Thủ nghiệm, so sánh hiệu quả của các phương pháp điều trị là chức năng của Dịch tế học
A. Can thiệp
B. Mô tả
C. Lý thuyết
D. Phân tích
- Câu 66 :** Điều tra cắt ngang lặp lại nhiều lần thuộc loại phương pháp giám sát:
A. Thụ động
B. Tỷ lệ mới mắc
C. Số liệu thứ cấp
D. Chủ động
- Câu 67 :** Mức độ phân tán của cỡ mẫu được thể hiện qua chỉ số:
A. Cỡ mẫu
B. Khoảng tin cậy
C. Sai số
D. Tỷ lệ kết quả
- Câu 68 :** Thống kê có tần suất cao nhất trong dãy số liệu:
A. Trung vị
B. Yếu vị
C. Phương sai
D. Tứ phân vị
- Câu 69 :** Biện pháp thực hiện đầu tiên khi tiến hành xử lý vụ dịch:
A. Khử trùng tẩy uế
B. Diệt động vật
C. Cách ly
D. Xua diệt côn trùng

- Câu 70 :** Phương pháp lấy mẫu:
- A. Rút chọn một phần dân số
B. Kích thước đủ lớn
C. Mẫu phải đại diện cho dân số
D. Tất cả đúng
- Câu 71 :** Thống kê mô tả khuynh hướng tập trung:
- A. Độ lệch chuẩn
B. Trung vị
C. Sai số chuẩn
D. Phương sai
- Câu 72 :** Tam giác dịch tế học:
- A. Tác nhân-tác chủ-môi trường
B. Con người-tác nhân-vật nuôi
C. Vật nuôi-tác nhân-môi trường
D. Con người-môi trường-vật nuôi
- Câu 73 :** $P_n(m;p) = {}_n C_m * p^m * q^{n-m}$ (với $q=1-p$). Đây là công thức tính xác suất:
- A. Nhị thức
B. Bayes
C. Đầy đủ
D. Bernoulli
- Câu 74 :** Giai đoạn ủ bệnh trên lâm sàng thuộc giải đoạn nào của dịch:
- A. Cảm nhiễm
B. Tiềm tàng
C. Lây nhiễm
D. B và C
- Câu 75 :** Nội dung quan trọng nhất trong điều tra vụ dịch:
- A. Số lượng ca bệnh
B. Mô tả vấn đề dự phòng
C. Số ca tử vong
D. Mô tả ca lâm sàng
- Câu 76 :** Sai lệch đo lường:
- A. Xác suất chọn khác nhau
B. Định nghĩa biến không chính xác
C. Còn gọi là sai lệch berkson
D. Mô hình chọn mẫu không phù hợp
- Câu 77 :** Đây là những mục đích chuyên biệt của dịch tế học, NGOẠI TRỪ:
- A. Nghiên cứu diễn tiến tự nhiên và tiên lượng
B. Cung cấp giải pháp kinh phí dự phòng bệnh
C. Cung cấp thông tin dự báo bệnh
D. Một câu trả lời khác
- Câu 78 :** Điều nào đúng khi lấy mẫu dịch não tủy:
- A. Chuẩn bị 3 ống nghiệm
B. Bảo quản $> 4^{\circ}C$
C. Chuyển ngay trong vòng 24 giờ
D. Tất cả đúng
- Câu 79 :** Nghiên cứu nào kiểm định giả thuyết:
- A. Thử nghiệm lâm sàng
B. Đoàn hệ
C. Bệnh chứng
D. Tất cả đúng
- Câu 80 :** Tần suất bệnh cho phép nhà dịch tế học định lượng điều gì:
- A. Bệnh có đang xảy ra
B. Bệnh xảy ra thế nào
C. Bệnh đã chấm dứt chưa
D. Tất cả đều đúng
- Câu 81 :** Dạng trình bày phù hợp với biến số định lượng:
- A. Biểu đồ cột
B. Biểu đồ hình bán nguyệt
C. Đồ thị
D. Biểu đồ hình thanh
- Câu 82 :** Người có trách nhiệm điều tra dịch:
- A. Y tế cơ sở
B. Cán bộ ngoài ngành y tế
C. A và B đúng
D. A và B sai
- Câu 83 :** Đây là những chỉ số cần có đối với hệ thống giám sát y tế, NGOẠI TRỪ:
- A. Khả năng lan tràn bệnh
B. Tỷ lệ mắc bệnh
C. Giá thành chăm sóc y tế
D. Tỷ lệ bệnh/CBYT
- Câu 84 :** Trong nguồn dữ liệu giám sát, yếu tố nào đúng với dữ liệu bệnh viện::
- A. Địa chỉ người bệnh
B. Tên người bệnh
C. Một câu trả lời khác
D. Nhân khẩu học
- Câu 85 :** Điều nào sau đây giúp khắc phục vai trò của cơ hội:
- A. Tăng nội dung khảo sát
B. Tăng cỡ mẫu khảo sát
C. Mở rộng đặc tính khảo sát
D. Giảm thời gian khảo sát
- Câu 86 :** Giá trị nào = tần suất/số khảo sát * %:
- A. Tỷ lệ mẫu
B. % tích lũy
C. Tỷ lệ %
D. Tỷ lệ % chính xác
- Câu 87 :** Điều nào đúng khi lấy mẫu huyết thanh từ máu tĩnh mạch:

- A. Cho ngay vào ống có chất chống đông
B. Để máu đông tự nhiên khoảng 30 phút
C. Chuyển vào tủ lạnh nhiều nhất 1-2 giờ
D. Tất cả đúng
- Câu 88 :** Mẫu ngẫu nhiên đơn có cùng:
A. Nguy cơ
B. Phân phối xác suất
C. Đặc tính
D. Tần suất
- Câu 89 :** Yếu tố gây nhiễu:
A. Liên quan đến yếu tố phơi nhiễm
B. Độc lập với yếu tố phơi nhiễm
C. A và B đúng
D. A và B sai
- Câu 90 :** 2 phần chính của tên bảng số liệu:
A. Chủ từ và vị từ
B. Chủ từ và tân từ
C. Tân từ và túc từ
D. Tân từ và vị từ
- Câu 91 :** Giả thuyết giữa phơi nhiễm và bệnh trạng là loại giả thuyết:
A. Liên quan nhân quả
B. Phủ định của phủ định
C. Suy diễn đối lập
D. Một câu trả lời khác
- Câu 92 :** Phương pháp nghiên cứu dịch tễ nào cho biết gánh nặng bệnh tật:
A. Nghiên cứu cắt ngang
B. Nghiên cứu đoàn hệ
C. Nghiên cứu bệnh chứng
D. Nghiên cứu loạt ca
- Câu 93 :** Quy định lấy mẫu nước tiểu:
A. Lấy nước tiểu đầu dòng
B. Rửa toàn bộ bộ phận sinh dục bằng nước sạch và xà phòng
C. Không chạm tay vào mặt trong cốc
D. Tất cả đúng
- Câu 94 :** Đây là những lĩnh vực ứng dụng của giám sát y tế, NGOẠI TRỪ:
A. Lưu trữ dữ liệu bệnh tật
B. Thử nghiệm các giả thuyết
C. Can thiệp y tế công cộng
D. Theo dõi sức khỏe người bệnh
- Câu 95 :** Cách ly tại cơ sở y tế thường đi kèm với:
A. Một câu trả lời khác
B. Cách ly người phơi nhiễm
C. Điều trị đặc hiệu
D. Cách ly cộng đồng
- Câu 96 :** Sử dụng thuốc điều trị dự phòng cho đối tượng:
A. Trẻ em
B. Lớn tuổi
C. Nguy cơ cao
D. Người bệnh nặng
- Câu 97 :** Đáp ứng tế bào biến đổi thấy được:
A. Rối loạn chức năng
B. Bệnh có triệu chứng
C. Nhiễm trùng không triệu chứng
D. Tiếp xúc không nhiễm trùng
- Câu 98 :** Tung một con xúc xắc 2 lần. Khả năng xảy ra mặt chẵn ở lần sau nếu lần đầu ra mặt lẻ là:
A. Cao hơn
B. Độc lập nhau
C. Thấp hơn
D. Như nhau
- Câu 99 :** Xác định ca bệnh dựa vào:
A. Lâm sàng và xét nghiệm
B. Số ca mắc hàng loạt
C. Chỉ cần lâm sàng điển hình
D. Một câu trả lời khác
- Câu 100 :** Đối với nhiễm trùng hệ thần kinh, mẫu bệnh phẩm nào cần lấy:
A. Dịch họng
B. Dịch não tủy
C. Phân
D. Tất cả đúng
- Câu 101 :** Gieo một con xúc xắc, biến cố được số chẵn là:
A. 50%
B. Chắc chắn
C. Không gian biến cố sơ cấp
D. Không gian biến cố thứ cấp
- Câu 102 :** Đối tượng của dịch tễ học:
A. Hiện tượng sức khỏe
B. Quần thể bệnh
C. Người bệnh
D. Bệnh tật
- Câu 103 :** Trường hợp nào là biến cố sơ cấp:
A. $b = 2,3,4$
B. $A = 1,2,3$
C. $C =$ tập hợp số lẻ
D. $d = \emptyset$
- Câu 104 :** Phương pháp nghiên cứu dịch tễ nào có tên gọi khác là nghiên cứu sinh thái:
A. Nghiên cứu tương quan
B. Nghiên cứu cắt ngang

- C. Nghiên cứu đoàn hệ
D. Nghiên cứu loạt ca
- Câu 105 :** Kết quả có được do quan sát, đo đạc gọi là:
A. Số tương đối
B. Số liệu
C. Biến số
D. Thông tin
- Câu 106 :** Trường hợp nào xảy ra dịch:
A. Số bệnh nặng tăng cao
B. Số chết tăng cao
C. Số mắc tăng cao
D. Tất cả đúng
- Câu 107 :** Giai đoạn số lượng mầm bệnh tăng nhưng chưa đủ sức truyền bệnh:
A. Tiềm tàng
B. Cảm nhiễm
C. Lây nhiễm
D. Ủ bệnh
- Câu 108 :** Đây là những nội dung bắt buộc phải có trong bản báo cáo kết quả điều tra dịch, NGOẠI TRỪ:
A. Đường lây truyền
B. Nguyên nhân dịch
C. Căn nguyên dịch
D. Diễn tiến dịch
- Câu 109 :** Đây là những quy định tối thiểu về mẫu bệnh phẩm giám sát, NGOẠI TRỪ:
A. Phải được mã hóa
B. Ngày lập mẫu
C. Người lấy bệnh phẩm
D. Ngày khởi bệnh
- Câu 110 :** Cơ hội khi chọn mẫu:
A. Làm sai lệch kết quả
B. Làm sai lệch khi kết luận
C. Làm sai lệch khi phân tích
D. Tất cả đúng
- Câu 111 :** Đây là những yêu cầu của một báo cáo dịch, NGOẠI TRỪ:
A. Đầy đủ
B. Chính xác
C. Nhanh
D. Ngắn gọn
- Câu 112 :** Thống kê nào có giá trị bằng tổng giá trị của số liệu chia cho số lần quan sát:
A. Yếu vị
B. Trung bình
C. Trung vị
D. Độ lệch chuẩn
- Câu 113 :** Biểu đồ hình tròn, chia làm nhiều cung tương ứng với giá trị của biến số:
A. Tổ chức đồ
B. Đa giác tần suất
C. Biểu đồ hình bánh
D. Biểu đồ diện tích
- Câu 114 :** Hệ thống giám sát đảm bảo tính đơn giản, nghĩa là:
A. Không chồng chéo
B. Không phức tạp
C. Cung cấp số liệu đúng thời hạn
D. Tất cả đúng
- Câu 115 :** Dịch tế học nhìn nhận vấn đề dưới góc độ:
A. Con người
B. Không gian
C. Thời gian
D. Tất cả đúng
- Câu 116 :** Để khẳng định có xảy ra dịch hay không ta dựa vào:
A. Số ca tử vong
B. Số ca mắc
C. Hệ số mùa dịch
D. Hệ số năm dịch
- Câu 117 :** Thống kê mô tả chênh lệch giữa trung bình của mẫu với trung bình của dân số:
A. Độ lệch chuẩn
B. Sai số chuẩn
C. Phương sai
D. Tứ phân vị
- Câu 118 :** Đây là những đối tượng nghiên cứu của dịch tế học, NGOẠI TRỪ:
A. Quy luật của các hiện tượng sức khỏe
B. Các bệnh trạng
C. Quy luật phân bố bệnh trạng
D. Một câu trả lời khác
- Câu 119 :** Khái niệm nào lớn nhất:
A. Dân số chọn mẫu
B. Dân số mục tiêu
C. Dân số
D. Mẫu
- Câu 120 :** Đặc điểm nào đúng với đại dịch:
A. Xảy ra ít nhất 2 quốc gia
B. Diễn tiến rầm rộ, bất ngờ
C. Khả năng gây tử vong cao
D. Tất cả đúng
- Câu 121 :** Giai đoạn bắt đầu xuất hiện các triệu chứng:
A. Lâm sàng
B. Ủ bệnh
C. Lây nhiễm
D. Toàn phát
- Câu 122 :** Tầm quan trọng của một sự kiện sức khỏe được đánh giá thông qua các chỉ số sau, NGOẠI TRỪ:

- A. Khả năng lan tràn bệnh
B. Số tử vong
C. Giá thành chăm sóc y tế
D. Tỷ lệ mắc
- Câu 123 :** Đây là những thông tin bắt buộc phải có trong báo cáo khi mô tả vụ dịch, NGOẠI TRỪ:
A. Nơi phát hiện ca đầu tiên
B. Nơi ca bệnh di chuyển đến
C. Đặc điểm giới tính, nghề nghiệp
D. Tình trạng hôn nhân của đối tượng
- Câu 124 :** Dạng trình bày tương tự đường biểu diễn nhưng áp dụng cho biến độc lập:
A. Đa giác tần suất
B. Sơ đồ chuỗi
C. Biểu đồ diện tích
D. Biểu đồ phân tán
- Câu 125 :** Trong vòng tròn hệ thống giám sát dịch tế học, điểm bắt đầu và kết thúc là:
A. Các tổ chức tài trợ
B. Các đơn vị y tế
C. Các tổ chức giám sát
D. Cộng đồng
- Câu 126 :** Kiểm định giả thuyết để từ đó đề xuất giải pháp thích hợp là chức năng của Dịch tế học
A. Phân tích
B. Mô tả
C. Can thiệp
D. Lý thuyết
- Câu 127 :** Khảo sát 10 người bằng Test Y có độ chính xác 90%. Xác suất để có đúng 1 người có kết quả chính xác là:
A. $1 - 0,9^{0*0},1^{10}$
B. $0,9^{0*0},1^{10}$
C. $1 - 0,9^{1*0},1^9$
D. $0,9^{1*0},1^9$
- Câu 128 :** Khảo sát 10 người bằng Test Y có độ chính xác 90%. Xác suất để có được 3 người có kết quả chính xác là:
A. $3^{0,9*7^{0,1*3*4*10}}$
B. $0,9^3*0,1^7*3*4*10$
C. $3^{0,9*7^{0,1*8*9*10}}$
D. $0,9^3*0,1^7*8*9*10$
- Câu 129 :** Trong hộp có 7 bi đỏ và 3 bi trắng. Lấy không hoàn lại 3 bi. Xác suất để cả 3 bi đều đỏ là:
A. $(7/10)*(6/9)*(5/8)$
B. $1 - (7/10)^0$
C. $(7/10)^3*(3/10)^0$
D. A và B đúng
- Câu 130 :** Trong hộp có 7 bi đỏ và 3 bi trắng. Lấy không hoàn lại 3 bi. Xác suất để được ít nhất 2 bi đỏ là:
A. $(7/10)*(6/9)*(14/8)$
B. $1 - (7/10)*(6/9)*(5/8)$
C. $(7/10)*(6/9)*(5/8)*3 + (7/10)*(6/9)*(5/8)$
D. $1 - (7/10)*(6/9)*(3/8)$
- Câu 131 :** Test X có độ chính xác 75%. Khảo sát bằng test X cho kết quả có 36 người (-), 17 người (+) đúng và 28 người (-) đúng. Xác suất chọn được người có xét nghiệm sai trong số test X (+) là:
A. 8/24
B. 8/35
C. 7/35
D. 7/24
- Câu 132 :** Test X có độ chính xác 75%. Khảo sát bằng test X cho kết quả có 36 người (-), 17 người (+) đúng và 28 người (-) đúng. Xác suất chọn được người bệnh có xét nghiệm đúng là:
A. 17/25
B. 17/60
C. 25/60
D. 24/25
- Câu 133:** Test X có độ chính xác 75%. Khảo sát bằng test X cho kết quả có 36 người (-), 17 người (+) đúng và 28 người (-) đúng. Xác suất chọn được người có test (+) hoặc bị bệnh là:
A. 32/60
B. 52/60
C. 43/60
D. 49/60
- Câu 134:** Test X có độ chính xác 75%. Khảo sát bằng test X cho kết quả có 36 người (-), 17 người (+) đúng và 28 người (-) đúng. Xác suất chọn được người khoẻ mạnh trong số test (-) là:
A. 24/36
B. 24/60
C. 28/36
D. 28/35
- Câu 135:** Test X có độ chính xác 75%. Khảo sát bằng test X cho kết quả có 36 người (-), 17 người (+) đúng và 28 người (-) đúng. Giá trị tiên đoán (-) của xét nghiệm X là:
A. 28/35
B. 35/36
C. 28/36
D. 35/60
- Câu 136:** Test X có độ chính xác 75%. Khảo sát bằng test X cho kết quả có 36 người (-), 17 người (+) đúng và 28 người (-) đúng. Xác suất chọn được người có test (+) hoặc khoẻ mạnh là:
A. 52/60
B. 32/60
C. 44/60
D. 41/60
- Câu 137:** Khảo sát 10 người bằng Test Y có độ chính xác 90%. Xác suất để có được ít nhất 1 người có kết quả chính xác là:
A. $0,9^{1*0},1^9$
B. $1 - 0,9^{0*0},1^{10}$
C. $1 - 0,9^{1*0},1^9$
D. $0,9^{0*0},1^{10}$
- Câu 138:** Bài làm của học sinh X xứng đáng được 7,0 điểm. Dùng thang điểm Y với 5 lần chấm cho kết quả như sau: 7,0-8,5-7,5-8,0-7,0. Kết luận nào phù hợp với thang điểm Y:
A. Kém cả giá trị và tin cậy
B. Giá trị nhưng kém tin cậy
C. Tin cậy và giá trị
D. Tin cậy nhưng kém giá trị
- Câu 139 :** Test X có độ chính xác 75%. Khảo sát bằng test X cho kết quả có 36 người (-), 17 người (+) đúng và 28 người (-) đúng. Xác suất chọn được người có kết quả xét nghiệm sai là:

- A. 15/35 B. 24/60 C. 24/35 D. 15/60
- Câu 140 :** Cân nặng thực sự của ông X là 60kg. Dùng cân Y với 5 lần cân cho kết quả như sau: 48,0-47,5-48,0-48,0-47,5. Kết luận nào phù hợp với cân Y:
- A. Tin cậy nhưng kém giá trị B. Kém cả giá trị và tin cậy
C. Giá trị nhưng kém tin cậy D. Tin cậy và giá trị
- Câu 141:** Test X có độ chính xác 75%. Khảo sát bằng test X cho kết quả có 36 người (-), 17 người (+) đúng và 28 người (-) đúng. Xác suất chọn được người có test (-) hoặc khoẻ mạnh là:
- A. 43/60 B. 44/60 C. 53/60 D. 52/60
- Câu 142 :** Test X có độ chính xác 75%. Khảo sát bằng test X cho kết quả có 36 người (-), 17 người (+) đúng và 28 người (-) đúng. Giá trị tiên đoán (+) của xét nghiệm X là:
- A. 17/24 B. 24/25 C. 17/25 D. 24/35
- Câu 143 :** Trong hộp có 7 bi đỏ và 3 bi trắng. Lấy không hoàn lại 3 bi. Xác suất để được 2 bi đỏ là:
- A. $(7/10)*(6/9)*(3/8)*3$ B. $(7/10)^2*(3/10)^1$
C. $(7/10)*(6/9)*(3/8)$ D. $(7/10)^2*(3/10)^1*3$
- Câu 144 :** Test X có độ chính xác 75%. Khảo sát bằng test X cho kết quả có 36 người (-), 17 người (+) đúng và 28 người (-) đúng. Xác suất chọn được người có xét nghiệm sai trong số bị bệnh là:
- A. 25/36 B. 8/60 C. 8/25 D. 25/60
- Câu 145 :** Test X có độ chính xác 75%. Khảo sát bằng test X cho kết quả có 36 người (-), 17 người (+) đúng và 28 người (-) đúng. Xác suất chọn được người có xét nghiệm sai trong số khoẻ mạnh là:
- A. 7/60 B. 17/35 C. 7/35 D. 17/60
- Câu 146 :** Test X có độ chính xác 75%. Khảo sát bằng test X cho kết quả có 36 người (-), 17 người (+) đúng và 28 người (-) đúng. Xác suất chọn được người có test (+) là:
- A. 35/60 B. 25/60 C. 28/60 D. 24/60
- Câu 147 :** Test X có độ chính xác 75%. Khảo sát bằng test X cho kết quả có 36 người (-), 17 người (+) đúng và 28 người (-) đúng. Tỷ lệ (-) giả của xét nghiệm X là:
- A. 8/25 B. 36/40 C. 25/40 D. 8/36
- Câu 148 :** Test X có độ chính xác 75%. Khảo sát bằng test X cho kết quả có 36 người (-), 17 người (+) đúng và 28 người (-) đúng. Xác suất chọn được người có xét nghiệm đúng trong số khoẻ mạnh là:
- A. 28/60 B. 28/35 C. 35/60 D. 35/36
- Câu 149 :** Test X có độ chính xác 75%. Khảo sát bằng test X cho kết quả có 36 người (-), 17 người (+) đúng và 28 người (-) đúng. Xác suất chọn được người có test (-) đúng là:
- A. 36/48 B. 28/60 C. 28/36 D. 36/60
- Câu 150 :** Trong hộp có 7 bi đỏ và 3 bi trắng. Lấy không hoàn lại 3 bi. Xác suất để được bi thứ 2 đỏ là:
- A. $(7*6*5)/(10*9*8)$ B. $(7*6*3)/(10*9*8)$ C. $(7*6)/(10*9)$ D. $(9*7)/(10*9)$
- Câu 151 :** Test X có độ chính xác 75%. Khảo sát bằng test X cho kết quả có 36 người (-), 17 người (+) đúng và 28 người (-) đúng. Xác suất chọn được người bệnh có xét nghiệm sai là:
- A. 15/60 B. 7/60 C. 8/60 D. 25/60
- Câu 152 :** Trong hộp có 20 bi trắng và 10 bi đỏ. Lấy không hoàn lại 5 bi. Xác suất lấy được 2 bi đỏ và 3 bi trắng là:
- A. ${}_2C_{10} * {}_3C_{20}$ B. ${}_2A_{10} * {}_3A_{20}$
C. $(1*2*3*4*5)/(10*9*20*19*18)$ D. $(10*9*20*19*18)/(30*29*28*27*26)$
- Câu 153 :** Tỷ lệ chính xác của xét nghiệm T là 80%. Xác suất chọn được 4 người có kết quả chính xác trong số 5 người thực hiện xét nghiệm T là:
- A. ${}_5C_4 * 0,8^4 * 0,2^1$ B. $0,8^4$ C. ${}_5A_4 * 0,8^4 * 0,2^1$ D. Một câu trả lời khác
- Câu 154:** Test K có độ nhạy 90%, độ chính xác 80%. Khảo sát 40 người bằng test K cho kết quả 10 người bệnh thật sự. Tỷ lệ (-) đúng của test K là:
- A. 23/24 B. 7/40 C. 23/40 D. 7/16
- Câu 155:** Test K có độ nhạy 90%, độ chính xác 80%. Khảo sát 40 người bằng test K cho kết quả 10 người bệnh thật sự. Tính xác suất chọn được người khoẻ mạnh trong số test K (+):
- A. 9/16 B. 7/16 C. 7/30 D. 9/30
- Câu 156 :** Cân nặng thực sự của ông A là 60kg. Dùng cân B để cân ông A 5 lần cho kết quả như sau: 60kg; 59.5kg; 61.5kg; 63kg; 59kg. Nhận xét nào đúng với cân B:
- A. Tin cậy nhưng kém giá trị B. Tin cậy và giá trị

- Câu 173:** Test K có độ nhạy 90%, độ chính xác 80%. Khảo sát 40 người bằng test K cho kết quả 10 người bệnh thật sự. Tính độ chuyên biệt của test K:
- A. $23/30$ B. $30/40$ C. $16/24$ D. $16/40$
- Câu 174:** Trong số 16 người ăn món cháo hến có 9 người bị đau bụng, trong số 24 người không ăn cũng có 1 người đau bụng. Số chênh ở nhóm người ăn cháo hến là:
- A. $9/16$ B. $9/7$ C. $1/24$ D. $1/23$
- Câu 175:** Có bao nhiêu cách chọn 4 học sinh tham gia ban cán sự lớp phụ trách 4 mảng nội dung khác nhau từ một lớp có 45 học sinh:
- A. ${}_{45}C_4$ B. ${}_{41}C_4$ C. ${}_{41}A_4$ D. ${}_{45}A_4$
- Câu 176:** Trong hộp có 20 bi trắng và 10 bi đỏ. Lấy không hoàn lại 5 bi. Xác suất lấy được ít nhất 1 bi trắng là:
- A. ${}_{20}C_1 * {}_{10}C_4$ B. $1 - {}_{30}C_5 * 5^{1/3}$ C. ${}_{20}C_4 * {}_{10}C_1$ D. $1 - {}_{30}C_5 * 5^{2/3}$